

Số/No.: 2506282-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506120/KG
Mã số mẫu/ : 2506392
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Phương Phú
- Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506282-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506120/KG

Mã số mẫu/ : 2506392

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,72	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,54	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506282-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506120/KG
Mã số mẫu/ : 2506393
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Phương Phú
- Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Sô/No.: 2506282-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506120/KG

Mã số mẫu/ : 2506393

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,66	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506282-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506120/KG
Mã số mẫu/ : 2506394
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Nhân
- Trạm Phương Phú
- Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506282-3/KQ

Trang/ Pages: 2/2



Mã số/ Code : 2506120/KG

Mã số mẫu/ : 2506394

Sample Code

STT No.	CHI TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,85	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506283-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506121/KG
Mã số mẫu/ : 2506395
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506283-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506121/KG

Mã số mẫu/ : 2506395

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,78	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506283-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506121/KG
Mã số mẫu/ : 2506396
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506283-2/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506121/KG

Mã số mẫu/ : 2506396

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,89	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506283-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506121/KG
Mã số mẫu/ : 2506397
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Phạm Văn Chấn
- Trại Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506283-3/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506121/KG
Mã số mẫu/ : 2506397
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,64	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506284-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506122/KG
Mã số mẫu/ : 2506398
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Hòa Mỹ
- Ấp: Mỹ Thành, xã: Hòa Mỹ, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
THẾ KỶ MỚI
TÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506284-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506122/KG
Mã số mẫu/ : 2506398
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,67	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,59	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506284-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506122/KG
Mã số mẫu/ : 2506399
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Lê Văn Lý
- Trạm Hòa Mỹ
- Ấp: Mỹ Thành, xã: Hòa Mỹ, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506284-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506122/KG

Mã số mẫu/ : 2506399

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,59	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,64	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506285-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506123/KG
Mã số mẫu/ : 2506400
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Hòa An - Hiệp Hưng
- Ấp: ấp 1, Xã: Hòa An, Huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506235-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506123/KG

Mã số mẫu/ : 2506400

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,75	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506285-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506123/KG
Mã số mẫu/ : 2506401
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Hòa An - Hiệp Hưng
- Ấp: ấp 1, Xã: Hòa An, Huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
THỂ KỸ MỚI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506285-2/KC

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506123/KG

Mã số mẫu/ : 2506401

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,70	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506285-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506123/KG
Mã số mẫu/ : 2506402
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Thuận
- Trạm Hòa An - Hiệp Hưng
- Ấp: ấp 1, Xã: Hòa An, Huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506285-3/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506123/KG
Mã số mẫu : 2506402
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,83	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506286-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506124/KG
Mã số mẫu/ : 2506403
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Tân Bình
- Ấp: Cầu Xáng, Xã: Tân Bình, Huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506288-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506124/KG
Mã số mẫu/ : 2506403
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,56	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,74	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506286-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506124/KG
Mã số mẫu/ : 2506404
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Thanh Quân
- Trạm Tân Bình
- Ấp: Cầu Xáng, Xã: Tân Bình, Huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506286-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506124/KG

Mã số mẫu/ : 2506404

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,59	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,88	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506287-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506158/KG
Mã số mẫu/ : 2506461
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, Xã: Hòa Tiến, Huyện: TP.Vị Thanh
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 250628/1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506158/KG

Mã số mẫu/ : 2506461

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,64	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,16	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506287-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số Code : 2506158/KG
Mã số mẫu/ : 2506462
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, Xã: Hòa Tiến, Huyện: TP.Vị Thanh

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506287-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506158/KG

Mã số mẫu/ : 2506462

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,96	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,11	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506287-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506158/KG
Mã số mẫu/ : 2506463
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Phạm Văn Nho
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, Xã: Hòa Tiến, Huyện: TP.Vị Thanh
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 25062873/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506158/KG
Mã số mẫu/ : 2506463
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,01	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,16	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.
- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506288-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506159/KG
Mã số mẫu/ : 2506464
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa

- Nhà máy nước Long Mỹ

- Ấp: ấp 3, Xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, Huyện: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506288-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506159/KG
Mã số mẫu/ : 2506464
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,13	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506288-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506159/KG
Mã số mẫu/ : 2506465
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Nhà máy nước Long Mỹ
- Ấp: ấp 3, Xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, Huyện: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506288-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506159/KG

Mã số mẫu/ : 2506465

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,79	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,12	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506288-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506159/KG
Mã số mẫu/ : 2506466
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Tăng Thị Đào
- Nhà máy nước Long Mỹ
- Ấp: ấp 3, Xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, Huyện: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506288-3/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506159/KG

Mã số mẫu/ : 2506466

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,86	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,11	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506289-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506160/KG
Mã số mẫu/ : 2506467
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Long Trị A
- Ấp 7, Xã: Long Trị A, Huyện: TX. Long Mỹ
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506289-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506160/KG
Mã số mẫu/ : 2506467
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,27	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506289-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506160/KG
Mã số mẫu/ : 2506468
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Phạm Thanh Tùng
- Trạm Long Trị A
- Ấp 7, Xã: Long Trị A, Huyện: TX. Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506289-2/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506160/KG
Mã số mẫu/ : 2506468
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,20	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhân xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506290-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506161/KG
Mã số mẫu/ : 2506469
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Long Bình
- Ấp: Khu vực Bình Tân, Xã: Phường Vĩnh Tường, Huyện: TX. Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506290.1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506161/KG

Mã số mẫu/ : 2506469

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,71	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,04	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506290-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506161/KG
Mã số mẫu/ : 2506470
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Long Bình
- Ấp: Khu vực Bình Tân, Xã: Phường Vĩnh Tường, Huyện: TX. Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506290-2/KG
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506161/KG
Mã số mẫu/ : 2506470
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,53	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,12	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506290-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506161/KG
Mã số mẫu/ : 2506471
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Lê Văn Tỷ
- Trại Long Bình
- Ấp: Khu vực Bình Tân, Xã: Phường Vĩnh Tường, Huyện: TX. Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager


ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506290.3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506161/KG

Mã số mẫu/ : 2506471

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,56	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,19	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506291-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506162/KG
Mã số mẫu/ : 2506472
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Vị Thắng
- Ấp: 7, Xã: Vị Thắng, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506291-1/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506162/KG

Mã số mẫu/ : 2506472

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,14	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506291-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số Code : 2506162/KG
Mã số mẫu/ : 2506473
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Vị Thắng
- Ấp: 7, Xã: Vị Thắng, Huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506291-2/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506162/KG

Mã số mẫu/ : 2506473

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,70	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,23	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506291-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506162/KG
Mã số mẫu/ : 2506474
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân - Lê Văn Hào
- Trạm Vị Thắng
- Ấp: 7, Xã: Vị Thắng, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506291-3/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506162/KG
Mã số mẫu/ : 2506474
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,94	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,15	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506292-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506163/KG
Mã số mẫu/ : 2506475
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa

- Trạm Vị Thủy

- Ấp: ấp 4, Xã: Vị Thủy, Huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506292-1/KC

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506163/KG

Mã số mẫu/ : 2506475

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,56	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,21	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506292-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506163/KG
Mã số mẫu/ : 2506476
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Vị Thủy
- Ấp: ấp 4, Xã: Vị Thủy, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506292-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506163/KG

Mã số mẫu/ : 2506476

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,25	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506292-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506163/KG
Mã số mẫu/ : 2506477
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Ngọc Luân
- Trạm Vị Thủy
- Ấp: ấp 4, Xã: Vị Thủy, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506292/3/KQ
Trang/ Pages: 2/2



Mã số/ Code : 2506163/KG
Mã số mẫu/ : 2506477
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,36	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506293-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506164/KG
Mã số mẫu/ : 2506478
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Nhà máy nước Nàng Mau
- Ấp: ấp 1, Xã: TT. Nàng Mau, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506293-1/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506164/KG

Mã số mẫu/ : 2506478

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,17	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhân xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506293-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506164/KG
Mã số mẫu/ : 2506479
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Nhà máy nước Nàng Mau
- Ấp: ấp 1, Xã: TT. Nàng Mau, Huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Trang 1 Page 2/2

Sample Code

Ghi chú: (*) Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506293-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506164/KG
Mã số mẫu/ : 2506480
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Trần Văn Trung
- Nhà máy nước Nàng Mau
- Ấp: ấp 1, Xã: TT. Nàng Mau, Huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506293-3/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506164/KG
Mã số mẫu/ : 2506480
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,13	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506294-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506165/KG
Mã số mẫu/ : 2506481
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Vĩnh Tường
- Ấp: Vĩnh Hiếu, Xã: Vĩnh Tường, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506294-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506165/KG
Mã số mẫu/ : 2506481
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,21	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506294-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506165/KG
Mã số mẫu/ : 2506482
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Lý Thị Mai
- Trạm Vĩnh Tường
- Ấp: Vĩnh Hiếu, Xã: Vĩnh Tường, Huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506294-2/KG
Trang/Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506165/KG
Mã số mẫu/ : 2506482
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,40	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,18	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhân xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506269-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506107/KG
Mã số mẫu/ : 2506357
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Vị Thanh 1
- Ấp: 7b1 Vị Thủy, Xã: Vị Thanh, Huyện: Vị Thanh

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


TKM * M.S.D.N: 0310844490 * TKM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
THẺ KÝ MỜI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No.: 2506269-1/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506107/KG

Mã số mẫu/ : 2506357

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,58	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506269-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506107/KG
Mã số mẫu/ : 2506358
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Lê Văn Linh

- Trạm Vị Thanh 1

- Ấp: 7B1 Vị Thủy, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thanh

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506269-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506107/KG

Mã số mẫu/ : 2506358

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,64	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506270-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506108/KG
Mã số mẫu/ : 2506359
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Vị Thanh 2
- Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Sô/No.: 2506270-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506108/KG

Mã số mẫu/ : 2506359

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,73	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506270-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506108/KG
Mã số mẫu/ : 2506360
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Vị Thanh 2
- Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506270-2/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506108/KG
Mã số mẫu/ : 2506360
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,67	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506270-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506108/KG
Mã số mẫu/ : 2506361
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Huỳnh Phước Hải

- Trạm Vị Thanh 2

- Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506270-3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506108/KG

Mã số mẫu/ : 2506361

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,83	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506271-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506109/KG
Mã số mẫu/ : 2506362
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Trường Long A
- Ấp: Trường Hòa, xã: Trường Long A, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÉ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506273-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506109/KG

Mã số mẫu/ : 2506362

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,61	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506271-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506109/KG
Mã số mẫu/ : 2506363
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Thang Thị Bích
- Trạm Trường Long A
- Ấp: Trường Hòa, xã: Trường Long A, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director


CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
THỂ KỶ MỚI
HÀNG PHƯỚC CHỈ MINH
Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506271-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506109/KG

Mã số mẫu/ : 2506363

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,59	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506272-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506110/KG
Mã số mẫu/ : 2506364
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Trang/ Page: 2/2

Mã số mẫu/ : 2506364

Sample Code

Ghi chú: () Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*) Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.*

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGq - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506272-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506110/KG
Mã số mẫu/ : 2506365
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506272/27KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506110/KG

Mã số mẫu/ : 2506365

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,69	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506272-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506110/KG
Mã số mẫu/ : 2506366
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Dũng
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506272-3/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506110/KG

Mã số mẫu/ : 2506366

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,80	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506273-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506111/KG
Mã số mẫu/ : 2506367
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Thanh Xuân
- Ấp: Trầu Hôi, xã: Thanh Xuân, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Sô/No.: 2506273-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506111/KG

Mã số mẫu/ : 2506367

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,65	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506273-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506111/KG
Mã số mẫu/ : 2506368
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Thạnh Xuân
- Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506273-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506111/KG

Mã số mẫu/ : 2506368

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,57	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506273-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506111/KG
Mã số mẫu/ : 2506369
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân - Nguyễn Thị Nhiên
- Trạm Thạnh Xuân
- Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Sô/No.: 2506273-3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506111/KG

Mã số mẫu/ : 2506369

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,96	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,67	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506274-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506112/KG
Mã số mẫu/ : 2506370
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Thanh Hòa
- Ấp: Ấp 4, xã: Thanh Hòa, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KÝ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506274-1/KG
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506112/KG
Mã số mẫu/ : 2506370
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,54	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,81	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506274-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506112/KG
Mã số mẫu/ : 2506371
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Trần Văn Năm

- Trạm Thanh Hòa

- Ấp: Ấp 4, xã: Thạnh Hòa, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506274-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506112/KG

Mã số mẫu/ : 2506371

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,74	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506275-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506113/KG
Mã số mẫu/ : 2506372
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Long Thạnh
- Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506275-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506113/KG

Mã số mẫu/ : 2506372

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,52	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506275-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506113/KG
Mã số mẫu/ : 2506373
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Long Thạnh
- Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506275-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506113/KG

Mã số mẫu/ : 2506373

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,76	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,62	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506275-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506113/KG
Mã số mẫu/ : 2506374
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân - Lưu Khánh Hội
- Trạm Long Thạnh
- Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506275-3/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506113/KG

Mã số mẫu/ : 2506374

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,98	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,59	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506276-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506114/KG
Mã số mẫu/ : 2506375
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Đông Thạnh
- Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Sô/No.: 2506276-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506114/KG

Mã số mẫu/ : 2506375

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,72	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506276-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506114/KG
Mã số mẫu/ : 2506376
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Đông Thạnh
- Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506276-2/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506114/KG
Mã số mẫu/ : 2506376
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,03	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,57	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506276-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506114/KG
Mã số mẫu/ : 2506377
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Đề
- Trạm Đông Thạnh
- Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506276-3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506114/KG

Mã số mẫu/ : 2506377

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,71	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506277-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506115/KG
Mã số mẫu/ : 2506378
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Đông Phước A
- Ấp: Long Lợi, xã: Đông Phước A, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506277-1/KQ

Trang/Page: 02/02

Mã số/ Code : 2506115/KG

Mã số mẫu/ : 2506378

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,12	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,84	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506277-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506115/KG
Mã số mẫu/ : 2506379
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Đồng Phước A
- Ấp: Long Lợi, xã: Đồng Phước A, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

SỐ/No.: 2506277-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506115/KG

Mã số mẫu/ : 2506379

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,96	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,72	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506277-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506115/KG
Mã số mẫu/ : 2506380
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Hồ Thị Ngọc Dễ
- Trạm Đông Phước A
- Ấp: Long Lợi, xã: Đông Phước A, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506277-3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506115/KG

Mã số mẫu/ : 2506380

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,97	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,73	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506278-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506116/KG
Mã số mẫu/ : 2506381
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Đông Phước
- Ấp: Đông Lợi, xã: Đông Phước, huyện: Châu Thành.
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506278-1/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506116/KG

Mã số mẫu/ : 2506381

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,66	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506278-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506116/KG
Mã số mẫu/ : 2506382
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân - Nguyễn Nhất Thanh
- Trạm Đồng Phước
- Ấp: Đồng Lợi, xã: Đồng Phước, huyện: Châu Thành.

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506278-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506116/KG

Mã số mẫu/ : 2506382

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,76	2
4	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
5	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,85	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506279-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506117/KG
Mã số mẫu/ : 2506383
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Phụng Hiệp
- Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506279-1/KQ

Trang/Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506117/KG

Mã số mẫu/ : 2506383

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,81	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,59	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506279-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số Code : 2506117/KG
Mã số mẫu/ : 2506384
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Phụng Hiệp
- Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506279-2/KG
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506117/KG
Mã số mẫu/ : 2506384
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,55	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,83	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506279-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506117/KG
Mã số mẫu/ : 2506385
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân - Chung Văn Vị
- Trạm Phụng Hiệp
- Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506279-3/KG

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506117/KG

Mã số mẫu/ : 2506385

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,79	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,74	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506280-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506118/KG
Mã số mẫu/ : 2506386
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân
- Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506280-1/KQ

Trang/Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506118/KG

Mã số mẫu/ : 2506386

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,54	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,77	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506280-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506118/KG
Mã số mẫu/ : 2506387
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân
- Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỲ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506280-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2506118/KG

Mã số mẫu/ : 2506387

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,86	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506280-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506118/KG
Mã số mẫu/ : 2506388
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Minh Lương
- Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân
- Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506280-3/KQY CỔ PHẦN
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506118/KG
Mã số mẫu/ : 2506388
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,51	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,63	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506281-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506119/KG
Mã số mẫu/ : 2506389
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506281-1/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506119/KG

Mã số mẫu/ : 2506389

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,67	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,71	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcentlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcentlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506281-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506119/KG
Mã số mẫu/ : 2506390
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

SỐ/No.: 2506281-2/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506119/KG

Mã số mẫu/ : 2506390

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,89	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,84	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Số/No.: 2506281-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2506119/KG
Mã số mẫu/ : 2506391
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/06/2025 – 19/06/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Võ Văn Vũ
- Trạm Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2506281-3/KQ

Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2506119/KG

Mã số mẫu/ : 2506391

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	1,02	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,87	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.